

**TÒA ÁN QUẬN HOA KỲ
ĐỐI VỚI QUẬN PHÍA ĐÔNG LOUISIANA**

**V/v: Sự Cố Tràn Dầu từ Giàn Khoan Dầu
“Deepwater Horizon” ở Vịnh
Mexico, ngày 20 tháng 4 năm 2010**

MDL Số 2179

PHẦN J

Áp dụng cho: Mọi Vụ Án

THẨM PHÁN BARBIER

PHÓ THẨM SHUSHAN

LỆNH VÀ LÝ DO

Trước Tòa là **Đề Nghị Giám Sát các Trao Đổi của Bị Đơn với Tập Thể Nguyên Đơn (Văn bản 912)** của Nguyên Đơn, cũng như nhiều văn bản trả lời bao gồm **Phản Đối (Văn bản 963)** của Bị Đơn BP, **Trả Lời Ủng Hộ (Văn bản 1021)** của Nguyên Đơn, **Bổ Sung (Văn bản 1061)** của Nguyên đơn, **Biên Bản Bổ Sung Phản Đối (Văn bản 1071)** của Bị Đơn BP, **Tuyên Bố Lợi Ích (Văn bản 1060 & 1085)** của Tiểu bang Mississippi, **Thông Báo Nhập Đề Nghị Giám Sát (Văn bản 1091)** của Tiểu bang Louisiana, và **Tuyên Bố Lợi Ích (Văn bản 1095)** của Tiểu bang Florida.

LƯỢC SỬ THỦ TỤC VÀ THÔNG TIN CƠ SỞ

Vụ kiện tụng liên quận này bao gồm hàng trăm vụ án hợp nhất, với hàng nghìn nguyên đơn, hiện tại đang đợi trước Tòa này. Các vụ án này phát sinh từ vụ cháy nổ và lật cụm máy khoan xa bờ di động “Deepwater Horizon” ngày 20 tháng 4 năm 2010, dẫn đến phát thải hàng triệu gallon dầu vào Vịnh Mexico trước khi cuối cùng được đập lại sau đó khoảng ba tháng. Các vụ án hợp nhất này bao gồm các yêu cầu bồi thường cho cái chết của mười một cá nhân, nhiều yêu cầu bồi thường thương tích cá nhân và nhiều yêu cầu bồi thường các thiệt hại môi trường và kinh tế.

Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu 1990 (“OPA”) yêu cầu BP, với tư cách được chỉ định làm “bên chịu

trách nhiệm” cho sự cố tràn dầu Deepwater Horizon, phải “thiết lập một quy trình thanh toán hoặc giải quyết các yêu cầu bồi thường cho các thiệt hại tạm thời, ngắn hạn”. 33 U.S.C. § 2705(a). Trong những tháng đầu tiên sau khi có thiệt hại, BP đã bắt đầu trực tiếp tiếp nhận và thanh toán các yêu cầu bồi thường tạm thời phát sinh từ sự cố tràn dầu. Nhằm hỗ trợ xử lý các yêu cầu bồi thường, BP đã ký hợp đồng với một hoặc nhiều hãng tính toán yêu cầu bồi thường. Sau đó, vào ngày 16 tháng 6 năm 2010, Nhà Trắng đã ban hành một Thông Cáo Báo Chí thông báo rằng một “Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Độc Lập” và một ngân quỹ phong tỏa trị giá 20 tỉ Đô-La sẽ được BP thành lập để hoàn thành các nghĩa vụ này và các nghĩa vụ pháp lý khác của công ty. Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường sẽ chịu trách nhiệm phát triển và ban hành các tiêu chuẩn yêu cầu bồi thường có thể thu hồi, dưới quyền Ken Feinberg, người giữ chức vụ người quản lý độc lập. BP thông báo rằng kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2010, Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh (“GCCF”), lãnh đạo bởi ông Feinberg và hãng luật của mình, sẽ thay thế tiến trình yêu cầu bồi thường ban đầu của BP và thực hiện các nghĩa vụ của BP theo OPA đối với các yêu cầu bồi thường tổn thất kinh tế tư nhân. Mặc dù một Hợp Đồng Ủy Thác chính thức đã được ký kết để thành lập ngân quỹ phong tỏa, bản chất quan hệ giữa BP và GCCF và ông Feinberg vẫn còn là một vấn đề tranh cãi.

Trong Đề Nghị ngay lập tức của mình, các Nguyên Đơn đã yêu cầu Tòa Án giám sát hoặc theo dõi các trao đổi giữa GCCF và các thành viên trong tập thể nguyên đơn để bảo đảm rằng các trao đổi đó không lừa dối hoặc gây nhầm lẫn.

LẬP LUẬN CỦA CÁC BÊN

Trước tiên, các Nguyên Đơn lập luận rằng GCCF không thể phân biệt được với BP-ví dụ như, họ giải thích rằng BP đã tạo ra GCCF, rằng BP vẫn còn giữ một sự kiểm soát nhất định đối với GCCF, và rằng GCCF là đại diện của BP nhằm đáp ứng vai trò “bên chịu trách nhiệm” của BP theo OPA. Do đó, các Nguyên Đơn lập luận rằng Tòa Án phải yêu cầu thay đổi các trao đổi của GCCF mà

các Nguyên Đơn cho là lừa dối và gây nhầm lẫn. Cụ thể (trong hồ sơ gần nhất của họ, Văn bản 1061), các Nguyên Đơn lập luận rằng Tòa Án phải ra lệnh cho các Bị Đơn BP, ông Feinberg, GCCF hoặc người đại diện của mình:

- Hạn chế liên lạc trực tiếp với bất kỳ người yêu cầu bồi thường nào BP và/hoặc GCCF biết hoặc chắc chắn phải biết có luật sư tư vấn đại diện, bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, bất kỳ cá nhân hoặc chủ thể nào đã khởi kiện hoặc nộp một PPF, một Đề Nghị Nhập Vụ Án Mẫu Ngắn, một Yêu Cầu Bồi Thường GCCF, hoặc một Yêu Cầu Bồi Thường BP phản ánh có một biện lý đại diện.
- Hạn chế gọi GCCF, ông Feinberg, hoặc Feinberg Rozen, LLP (hoặc người đại diện của mình) là “độc lập” hoặc “trung lập”, và hơn nữa phải:
 - Nói rõ (trên trang web, Bản Giải Trừ và mọi trao đổi-bằng văn bản, bằng lời và bằng điện tử) rằng một luật sư do người yêu cầu bồi thường chọn phải được tham vấn trước khi chấp nhận một đề xuất cuối cùng hoặc ký vào một Bản Giải Trừ;
 - Nói rõ rằng tiền bồi thường thiệt hại trừng phạt (và/hoặc tiền bồi thường thiệt hại bổ sung) có thể có được trong vụ kiện tụng nhưng không được GCCF công nhận hoặc thanh toán;
 - Nói rõ (trên trang web, Bản Giải Trừ và mọi trao đổi) rằng họ không thể tư vấn về giá trị yêu cầu bồi thường, căn cứ yêu cầu bồi thường, hoặc bất kỳ hậu quả pháp lý nào của việc giải quyết;
 - Nói rõ (trên trang web, Bản Giải Trừ và mọi trao đổi riêng tư và công khai) rằng ông Feinberg, Feinberg Rozen, LLP, và GCCF là đại diện của BP trong việc thực hiện các nghĩa vụ luật định của BP theo Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu 1990;
 - Tư vấn rõ cho những người yêu cầu bồi thường (trên trang web, Bản Giải Trừ và mọi trao đổi) về việc vụ kiện tụng MDL 2179 đang đợi, về các Đề Nghị Nhập Vụ Án Mẫu Ngắn sẵn có (mà không cần biện lý hoặc thanh toán một khoản phí nộp hồ sơ) và sự tồn tại của Phiên Tòa Vụ Án Trách Nhiệm/Giới Hạn/Thử Nghiệm vào tháng 2 năm 2012 ở New Orleans;
 - Tư vấn rõ (trên trang web, Bản Giải Trừ và mọi trao đổi) cho tập thể nguyên đơn và những người yêu cầu bồi thường rằng các biện lý công ích và các lãnh đạo cộng đồng được thuê để hỗ trợ những người yêu cầu bồi thường trong tiến trình của GCCF đang được trả lương trực tiếp hoặc gián tiếp bởi BP, và không “độc lập”

- Mọi trao đổi với một thành viên tập thể nguyên đơn đều phải được mở đầu bằng thông báo cho họ những điều trên.
- Ngoài ra nếu bất kỳ trao đổi nào, công khai hoặc riêng tư, từ GCCF, ông Feinberg, hoặc Feinberg Rozen, LLP ngụ ý thông báo cho người yêu cầu bồi thường/nguyên đơn/thành viên tập thể nguyên đơn về các quyền yêu cầu hỗ trợ từ Ngân Quỹ Ủy Thác Sự Cố Trần Dầu, trao đổi đó cũng phải thông báo rằng: (a) họ cũng có thể chọn yêu cầu hỗ trợ ở một tòa án pháp lý bằng một Đề Nghị Nhập Vụ Án Mẫu Ngắn vào MDL 2179 và có thể nộp mà không cần biện lý cũng như không cần thanh toán một khoản phí nộp hồ sơ; (b) một số tiền bồi thường thiệt hại hoặc biện pháp khắc phục khác có thể có tại tòa án pháp lý có thể sẽ không có được từ Ngân Quỹ Ủy Thác Sự Cố Trần Dầu; (c) tổng ngân quỹ sẵn có từ Ngân Quỹ Ủy Thác Sự Cố Trần Dầu là có giới hạn; và (d) Lực Lượng Phòng Vệ Duyên Hải (không phải tòa án) có quyền xác định họ đã đáp ứng các quy định xuất trình của Lực Lượng Phòng Vệ Duyên Hải hay chưa.

Các Nguyên Đơn giữ quan điểm rằng Tòa Án có nhiệm vụ và quyền hạn bảo vệ thành viên trong tập thể nguyên đơn, trích dẫn Quy Tắc Tố Tụng Dân Sự Liên Bang 23, Quy Tắc Tố Tụng Dân Sự Liên Bang 16, Hướng Dẫn Kiên Tung Phúc Tap, và Vụ Án Turner và Murphy Oil, Số 05-4206 (E.D. La. 14/11/05). Bởi vì MDL 2179 bao gồm các vụ án được khởi xướng dưới hình thức tập thể nguyên đơn, các Nguyên Đơn lập luận rằng các thủ tục này phải tuân thủ Quy Tắc 23, theo đó cho phép tòa án ra lệnh “bảo vệ thành viên tập thể nguyên đơn và tiến hành vụ kiện một cách công bằng” và “áp đặt các điều kiện cho các bên có đại diện”. Hướng Dẫn Kiên Tung Phúc Tap giải thích rằng “[t]òa án phải bảo vệ lợi ích của các thành viên tập thể nguyên đơn vắng mặt, và Quy Tắc 23(d) trao cho thẩm phán quyền hành chính rộng lớn để thực hiện điều đó, phản ánh bản chất công bằng của vụ kiện tập thể” trong đó bao gồm khả năng “điều chỉnh các trao đổi với các thành viên tiềm năng của tập thể nguyên đơn, thậm chí trước khi xác nhận”. § 21, tại 244, và § 21.12, tại 247.

Các Nguyên Đơn cũng thúc giục Tòa Án chấp nhận lập luận tương tự với lập luận của Thẩm Phán Fallon trong Vụ Án Turner và Murphy Oil, Số 05-4206 (E.D. La. 14/11/05) (Văn bản 39). Theo đó, Thẩm Phán Fallon đã quyết định giám sát các trao đổi giữa bị đơn Murphy Oil và các thành viên tập thể nguyên đơn, kết luận rằng các trao đổi giữa bị đơn Murphy Oil và các thành viên tập thể

nguyên đơn là ngôn luận thương mại, không hoàn toàn được bảo vệ bởi Tu Chính Án Thứ Nhất (bởi vì có liên quan đến lợi ích kinh tế của bị đơn trong việc giảm chi phí kiện tụng). Do đó, Thẩm Phán Fallon ra lệnh một số hạn chế trong các trao đổi của hoặc nhân danh bị đơn, Murphy Oil, bao gồm (1) yêu cầu Bản Giải Trừ có ngôn từ về việc tìm sự tư vấn pháp lý độc lập, (2) yêu cầu Murphy Oil không chủ động liên lạc với bất kỳ cá nhân nào trước đây chưa liên lạc Murphy Oil, và (3) yêu cầu Murphy Oil tuân thủ Quy Tắc 4.2 trong Quy Tắc Hành Vi Chuyên Nghiệp Louisiana và không trao đổi với những người đã có luật sư tư vấn đại diện.

BP đáp lại rằng các biện pháp hỗ trợ mà các Nguyên Đơn đề nghị mâu thuẫn với tiến trình ngoài tư pháp bắt buộc theo quy định của OPA. Bởi vì các Nguyên Đơn không tranh luận rằng họ đã giải quyết xong tiến trình yêu cầu bồi thường của OPA (bằng cách hoàn thành quy định xuất trình), BP lập luận rằng các Nguyên Đơn không thể khởi kiện hợp lệ. Tiếp theo, BP có quan điểm rằng các biện pháp hỗ trợ mà các Nguyên Đơn đề nghị là hạn chế phủ đầu vi hiến đối với ngôn luận được bảo vệ bởi Tu Chính Án Thứ Nhất và được OPA cho phép. Trích dẫn Vu Án Bernard và Gulf Oil Co., 619 F.2d 459, 473 (Án bản thứ 5, 1980), BP giải thích rằng hạn chế phủ đầu này chỉ có cơ sở trong “các tình huống đặc biệt” và yêu cầu chứng minh rằng cần phải can thiệp tư pháp để ngăn chặn “tổn hại trực tiếp, ngay lập tức và không thể khắc phục”, một tiêu chuẩn mà BP tranh luận rằng các Nguyên Đơn không thể đáp ứng. BP lập luận rằng các Nguyên Đơn chưa đưa ra bất kỳ chứng cứ nào rằng các thành viên tập thể nguyên đơn đã hiểu nhầm các ấn phẩm của GCCF hoặc cảm thấy bị ép buộc. BP cũng lập luận rằng ngôn luận của ông Feinberg và GCCF không mang tính thương mại và được hưởng sự bảo vệ hoàn toàn của Tu Chính Án Thứ Nhất-bởi vì ông Feinberg và GCCF đang thực hiện chính sách công cộng thiết lập bởi Quốc Hội và Tổng Thống chứ không phải đang đại diện cho một thân chủ. BP vạch ra sự khác biệt trong các vụ án mà các Nguyên Đơn trích dẫn để đề nghị tòa án có thể can thiệp các trao đổi với các thành viên tập thể nguyên đơn-trong các vụ án của các Nguyên Đơn,

các bị đơn đang có quan hệ kinh doanh bình thường với các bị đơn; trong khi, GCCF không có quan hệ nào trước kia với các nguyên đơn. Thay vì giám sát ngôn luận của ông Feinberg, BP thúc giục các Nguyên Đơn thực hiện các quyền Tu Chính Án Thứ Nhất của mình-một bước đi mà BP giải thích rằng các Nguyên Đơn thực tế đang thực hiện bằng việc phát đi các quan ngại của mình qua các phương tiện truyền thông địa phương và toàn quốc.

Ngoài ra, BP giữ quan điểm rằng ông Feinberg và GCCF là những người quyết định độc lập đối với các yêu cầu bồi thường OPA. Mặc dù GCCF được BP tài trợ và có hợp đồng với BP, Feinberg Rozen, LLP đưa ra các quyết định về yêu cầu bồi thường OPA theo các thông số pháp lý của OPA. BP nhất mực lập luận rằng ông Feinberg chịu trách nhiệm hoàn toàn cho việc quản lý GCCF, rằng ông đã phát triển các nghi thức và Bản Giải Trừ, và rằng ông không báo cáo cho BP. BP lập luận rằng các dữ kiện này đã quá đủ đáp ứng định nghĩa của một nhà thầu độc lập theo Vụ Án Newcomb và North East Ins. Co., 721 F.2d 1016, 1017 (Án Bản thứ 5, 1983) (trong đó quy định rằng một nhà thầu độc lập hoạt động theo các phương thức của mình và không bị giám sát trực tiếp).

Ngoài ra, BP nhất mực lập luận rằng các Nguyên Đơn đang yêu cầu những ngôn từ hướng dẫn lệnh bồi thường bắt buộc của GCCF về các vấn đề hoặc đã công bố trên trang web của GCCF và các yêu cầu bồi thường và bản giải trừ hoặc, theo quan điểm của BP, rõ ràng không phù hợp hoặc không đúng. Cụ thể, BP chỉ ra các tài liệu GCCF đã thông tin cho người yêu cầu bồi thường rằng: (1) nếu một người yêu cầu bồi thường có một biện lý, người đó phải bàn luận với biện lý đó trước khi nộp một yêu cầu bồi thường GCCF hoặc ký vào một bản giải trừ; (2) GCCF không phải là một hãng luật và không tư vấn pháp lý; (3) người yêu cầu bồi thường có quyền có luật sư đại diện do mình chọn; (4) ông Feinberg không báo cáo cho BP và BP không kiểm soát GCCF dưới bất kỳ hình thức nào-các quyết định của ông Feinberg chỉ phụ thuộc vào quyền kháng nghị hạn chế của GCCF trong nghi thức dành cho các yêu cầu bồi thường tạm thời và cuối cùng; và (5) chương trình dịch vụ pháp lý miễn phí được tài trợ bởi một quỹ trả trước của BP.

THẢO LUẬN

Tòa Án có trách nhiệm bảo đảm rằng các yêu cầu của OPA sẽ được thực hiện. Một bên chịu trách nhiệm sử dụng một bên thứ ba để hoàn thành các nghĩa vụ luật định của mình không chỉ phù hợp với ý định của OPA mà còn rất được tuyên dương nếu những yêu cầu bồi thường đó có thể được giải quyết thậm chí còn hiệu quả và công bằng hơn. Tuy nhiên, sự tồn tại của GCCF đã dấy lên những quan ngại về cả vai trò và quan hệ của tổ chức này với BP. Có phải GCCF hoàn toàn độc lập với BP và là một người hòa giải trung lập các yêu cầu bồi thường không? Có phải GCCF thật ra là BP hoặc một đại diện của BP không? Hay, có phải GCCF là một loại khác hỗn hợp giữa mô hình giải quyết tranh chấp đối lập nguyên-bị đơn truyền thống và việc sử dụng một bên thứ ba không?

OPA quy định rằng bên chịu trách nhiệm sẽ “thiết lập một quy trình thanh toán hoặc giải quyết các yêu cầu bồi thường cho các thiệt hại tạm thời, ngắn hạn”. 33 U.S.C. § 2705(a). Nếu bên chịu trách nhiệm quyết định dùng một bên thứ ba để hoàn thành nghĩa vụ này, bên thứ ba đó sẽ được giả định là một bên mở rộng hoặc đại diện của bên chịu trách nhiệm-đó chính là tình huống trước khi tạo ra GCCF, khi BP sử dụng các hãng tính toán yêu cầu bồi thường để xử lý các yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, nếu bên chịu trách nhiệm quyết định một chủ thể “độc lập” và “trung lập” hoặc hỗn hợp khác sẽ hoàn thành các nghĩa vụ về yêu cầu bồi thường OPA của mình, bên chịu trách nhiệm có nhiệm vụ công bố bản chất quan hệ của mình với chủ thể này và vai trò chính xác của chủ thể đó. Nếu không, giả định tự nhiên tạo cảm giác giác là các yêu cầu bồi thường đang được xử lý bởi chính bên chịu trách nhiệm.

Công bố toàn bộ mối quan hệ giữa bên chịu trách nhiệm và bên thứ ba hành động theo OPA là một việc phù hợp với chính sách điều chỉnh các cơ quan giải quyết tranh chấp yêu cầu bồi thường do tòa án giám sát khác-như các vụ kiện tập thể hoặc các ngân quỹ giải quyết và các ban ủy thác phá sản-và phù hợp với các chính sách minh bạch của nhiều bị đơn. Tính hợp pháp của một cơ quan giải quyết tranh chấp yêu cầu bồi thường bên thứ ba bắt nguồn một phần không nhỏ từ khả năng người yêu cầu bồi thường có thể nghiên cứu, tìm hiểu và nắm rõ cách thức cơ quan đó hoạt động để người

yêu cầu bồi thường có thể đánh giá đầy đủ tính hợp lý của các trao đổi của cơ quan đó với họ. Công bố và minh bạch hoàn toàn có thể bảo đảm rằng hoạt động thực tế của một bên thứ ba sẽ phù hợp với bất kỳ thông tin công khai nào liên quan đến chủ thể đó. Công bố hoàn toàn cũng có thể bảo vệ bên chịu trách nhiệm khỏi các công kích pháp lý tiềm tàng trong tương lai về tính hợp lệ của việc đánh giá, thanh toán và giải trừ các yêu cầu bồi thường.

Tòa Án này khuyến khích và tuyên dương bất kỳ tiến trình yêu cầu bồi thường nào giải quyết một cách công bằng, nhanh chóng và hiệu quả các yêu cầu bồi thường trong vụ kiện này. Các quy trình sáng tạo và thấu đáo sẽ được khuyến khích. Tuy nhiên, các quy trình đó phải hoàn toàn minh bạch để người yêu cầu bồi thường có thể đánh giá phù hợp. Tòa Án công nhận và đánh giá cao tầm quan trọng của công việc của ông Feinberg và không có ý định cản trở hoặc can thiệp khả năng của ông ấy trong việc xử lý các yêu cầu bồi thường một cách công bằng và hiệu quả.

Ông Feinberg, Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen và Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh Không “Độc Lập” Hoàn Toàn đối với BP

BP tranh luận rằng bởi vì Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen không cung cấp cho BP tư vấn pháp lý, nên họ không phải là đối tượng dính líu đến các nguyên tắc giới hạn tiếp xúc giữa luật sư và những người không có quyền đại diện. Tuy nhiên, lập luận này bỏ lỡ một điểm lớn hơn. Với tư cách là “đối tác chịu trách nhiệm” đã được chỉ định theo Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu, trách nhiệm của BP là “thiết lập một quy trình thanh toán yêu cầu bồi thường cho những thiệt hại ngắn hạn, mang tính tạm thời”. Điều Luật của Hoa Kỳ số 33 mục §2705(a). Để thi hành các nghĩa vụ luật định, BP đã lập ra Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh, dưới sự quản lý của Ông Feinberg and Công Ty Luật Hợp Doanh của ông, Feinberg Rozen. Trong trường hợp này, sự kiện BP ủy quyền xử lý trách nhiệm này không thể giúp BP giảm nhẹ được nghĩa vụ luật định.

Sau khi xem xét sự việc và đơn đệ trình của các bên, Tòa Án xét thấy BP đã lập ra một thực thể lai ghép hơn là một tổ chức hoàn toàn độc lập từ BP. Trong khi BP có thể đã ủy quyền cho ông Feinberg và sự độc lập của Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh trong việc đánh giá

và thanh toán các yêu cầu bồi thường cá nhân, nhiều yếu tố khác chứng minh rằng Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh và ông Feinberg không hoàn toàn “trung lập” hoặc độc lập từ BP. Chẳng hạn, ông Feinberg được BP chỉ định,¹ không có sự tham gia của những nguyên đơn đối lập hoặc của Ủy Ban Chỉ Đạo Nguyên Đơn (“PSC”), và không có lệnh của Tòa Án. Ông Feinberg không phải là một bên thứ ba thực sự trung lập như một người điều đình, trọng tài, hay người phụ trách đặc biệt được tòa án chỉ định.

BP trả cho Ông Feinberg và Công Ty Luật Hợp Doanh Feinberg Rozen của ông ta một khoản phí cố định hàng tháng, theo một văn bản hợp đồng quy định rất chi tiết nhiệm vụ và trách nhiệm của ông ta. (Defs.’ Br. Ex. 2A, “Hợp Đồng BP-Feinberg”). Hợp Đồng này là hợp đồng được ký riêng giữa BP và Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen – Hoa Kỳ không phải là đối tác trong hợp đồng này. Ông Feinberg và Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen tiếp nhận yêu cầu bồi thường, xét hồ sơ yêu cầu bồi thường, đánh giá yêu cầu bồi thường, xử lý yêu cầu bồi thường và cung cấp các dịch vụ thanh toán. (Vui lòng xem, id.; ‘ Br. Ex. G ở 15-18, “Bản Tuyên Bố Mukasey.”)² BP quyết định số tiền và phương thức cấp vốn cho Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh thông qua bản thỏa thuận ủy thác này. (Vui lòng xem Br. Ex. F, “Bản Thỏa Thuận Ủy Thác” ở 1, ¶ 4; 19.) BP sẽ nhận báo cáo hàng tháng trình bày các vụ dàn xếp với những người thụ hưởng của Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh (id. ở 6, ¶ D.1), và Ông Feinberg cho biết Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh không có mâu thuẫn nào về quyền lợi trong việc quản lý quỹ này (Bản Thỏa Thuận BP-Feinberg tại điều khoản 10-11); công ty này sẽ bảo mật tất cả thông tin của khách hàng (id. tại mục 3-5); công ty không thể tiết lộ bất cứ thông tin bảo mật nào có liên quan đến Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh khi chưa có sự cho phép

¹ Một số biện lý không thuộc Ủy Ban Chỉ Đạo Nguyên Đơn đề nghị bổ nhiệm Ông Feinberg làm Chủ Tịch và là thành viên trong Ban Quản Trị. Không có bằng chứng về việc bổ nhiệm nào như thế để chứng minh luận điểm này. Hiển nhiên, BP đã đề cử Ông Feinberg trước nhất, với sự chấp thuận của Nhà Trắng, Thông Cáo Báo Chí được phát hành sau đó thông báo rằng một cơ quan giải quyết yêu cầu bồi thường độc lập được thành lập, và sẽ do Ông Feinberg điều hành. Điều này không làm cho Ông Feinberg hay Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh trở thành các đại diện của chính phủ..

² Vào ngày 2 tháng 10 năm 2010, Michael Mukasey, một thành viên của Công Ty Hợp Doanh Debevoise & Plimpton, đã gửi cho Ông Feinberg một bản ghi nhớ xem xét các thỏa thuận bồi thường giữa Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen và BP liên quan đến việc quản lý của Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh.

trước của BP để BP có thể tìm một lệnh bảo hộ; tất cả các thông tin được tập hợp từ nguyên đơn sẽ được lật ngược lại BP, với sự vô hạn về việc sử dụng nó (id. ở 7).

Thêm vào đó, Hợp Đồng cho thấy BP sẽ “bồi thường, bảo vệ, và không gây hại” cho Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen “từ bất cứ và tất cả những hành động đe dọa hoặc khởi kiện cũng như việc chống lại những hành động đe dọa hoặc sự khởi kiện... do bất cứ cá nhân hay tổ chức nào đe dọa, yêu sách, gây ra, khởi kiện, hoặc đe dọa... có liên quan hay phát sinh từ việc điều hành Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh”. (Hợp Đồng BP-Feinberg điều 2.) BP có thể lựa chọn cho phép Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen, “sử dụng và truy cập nhất định máy vi tính, các thiết bị, đồ đạc, [và] tài sản” (id. ở 5), cũng như “sử dụng và truy cập nhất định các phương tiện, tài sản, và văn phòng do BP sở hữu hoặc thuê” (id.). Theo Hợp Đồng, BP giữ quyền kiểm tra Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen trong suốt thời gian công ty này nắm giữ thông tin về các nguyên đơn. (Id. ở 6). Trong quá trình quản lý Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh, Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen đồng ý tuân thủ theo Quy Tắc Ứng Xử của BP (id. ở 7) và không được phép ký hợp đồng phụ thi hành các nghĩa vụ thay cho mình mà không có văn bản chấp thuận trước từ BP (id. ở 8).

Mặc dù Hợp Đồng có thời hạn hiệu lực đến ngày 13 tháng 8 năm 2013, BP có thể chấm dứt Hợp Đồng sớm hơn: nếu Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ giao ước và không thể sửa chữa, nếu Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen vi phạm nghĩa vụ giao ước được ủy thác, hoặc nếu Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen không còn dành thời gian đáng kể để điều hành Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh; và Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen cũng có thể chấm dứt Hợp Đồng sớm hơn vì bất cứ lý do nào tương tự như thế. (Id. ở 9-10). Hợp Đồng cũng quy định rằng các khoản phí của Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen sẽ được đánh giá sau ngày 15 tháng 1 năm 2011, và các bên theo đó sẽ thỏa thuận mức phí trước ngày đầu tiên của từng quý tiếp theo. (Id. ở Ex. C.)

Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh đang xử lý các yêu cầu bồi thường đối với BP theo Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu, nhưng cũng đang nỗ lực giải quyết các yêu cầu bồi thường ngoài tầm quản lý của Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu, chẳng hạn như các yêu cầu bồi thường tổn thương cá nhân và tử vong. (Id. ở Ex. B, “Thế Thức Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh cho Những Yêu Cầu Bồi Thường Cuối Cùng và Tạm Thời ngày 22 tháng 11 năm 2010”, có sẵn tại trang

mạng http://www.gulfcoastclaimsfacility.com/proto_4 (truy cập lần cuối vào ngày 2 tháng 2 năm 2011)). Trong các bản giải trừ của họ về vấn đề của BP, Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh đòi hỏi nguyên đơn giải trừ và gửi kháng nghị về tất cả quyền lợi hoặc yêu cầu bồi thường không chỉ đối với BP, mà còn đối với bất cứ bên có tiềm năng chịu trách nhiệm pháp lý nào khác. (Id.) Bất kể việc tìm kiếm các giải trừ rộng như vậy là phù hợp hay không, Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh rõ ràng đang hành động vì quyền lợi của BP khi làm như vậy. BP có thể kháng nghị khoản tiền bồi thường mà Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh đưa ra nếu khoản tiền đó vượt quá 500,000 Mỹ Kim; các kháng nghị do một hội đồng thẩm-phán-ba-người quyết định và chỉ phụ thuộc vào BP. (Id.)

Trong những tình huống này, trong khi Ông Feinberg trông có vẻ “độc lập” khi mà BP không hề kiểm soát việc đánh giá các yêu cầu bồi thường cá nhân của Ông Feinberg, Ông Feinberg và Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh không thể được xem là “trung lập” hay nói chung là “độc lập” với BP.

Sự giám sát các Trao Đổi với Tập Thể Nguyên Đơn

BP không phải chỉ là một “đối tác có trách nhiệm” được chỉ định theo Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu, mà còn là Bị Cáo chủ yếu trong Vụ Kiện Dân Sự Liên Quận này và các vụ kiện tập thể nguyên đơn hợp nhất. Thậm chí trước khi nhận chứng nhận của một tập thể, Tòa Án này có cả hai quyền và trách nhiệm cố hữu theo Quy Tắc 23 giám sát hay kiểm soát sự trao đổi nào đó với các thành viên tập thể tiềm năng, đặc biệt là những người không được đại diện bởi các luật sư của riêng họ. Sổ Tay Hướng Dẫn Kiên Tụng Phức Tạp § 21.12 (Ấn bản lần 4 năm 2004). Nếu các thành viên tập thể tiềm năng nhận sự trao đổi thiếu chính xác, mơ hồ hay sai lầm, Tòa Án có thể thực hiện hành động sửa chữa sự trao đổi sai lầm này và phòng ngừa các vấn đề tương tự trong tương lai. Id. Đây là luật được lập ra lâu đời:

Sự trao đổi liên lạc sai lầm với các thành viên tập thể liên quan đến vụ kiện đặt ra một mối nguy hiểm nghiêm trọng đối với tính công bằng của tiến trình kiện tụng, sự thích hợp của việc đại diện và hành chánh tư pháp nói chung.

³ BP vẫn nắm giữ một số mức độ kiểm soát thanh toán từ quỹ của Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh, mà các bài báo cáo trên phương tiện truyền thông gần đây chứng minh rằng BP ra lệnh cho Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh chi trả 10 triệu Mỹ Kim tiền bồi thường kinh doanh mà Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh chưa bao giờ xét duyệt xem có xứng đáng hay không. 91.000 Yêu Cầu Bồi Thường Sư Cố Trần Dầu Vũng Vinh, Chỉ Có 1 Khoản Thanh Toán Cuối Cùng, theo Thời Báo Picayune, ra ngày 31 tháng 1 năm 2011, có thể tham khảo qua trang mạng <http://www.nola.com/newsflash/index.ssf/story/91000-gulf-oil-spill-claims-just-1-final-payment/4fe693ba31fc4747afa8d5f39f84bb18> (truy cập lần cuối ngày 2 tháng 2 năm 2011).

Trong Kiên Tụng Lại Trường Học có Khoáng Chất Amiăng, 842 F.2d 671, 680 (3d Cir. 1988). Tài liệu này được giữ nguyên trong Tu Chính Án Thứ Nhất, như là các kiểm soát khác về các tuyên bố về kiện tụng. Xem ví dụ, Kleiner v. First Nat'l Bank of Atlanta, 751 F.2d 1193, 1204-06 (11th Cir.1985); Hampton Hardware, Inc. v. Cotter & Co., 156 F.R.D. 630 (N.D. Tex. 1994) (ngăn cấm thư của bị cáo gửi đến các thành viên tập thể nguyên đơn liên quan tới kiện tụng và chi phí tài chính có thể có cho các thành viên tập thể). Trong Kleiner, Mục thứ Mười Một giải thích rằng:

Nhìn chung, một lệnh hạn chế sự trao đổi liên quan đến kiện tụng liên tục giữa một tập thể và các đối thủ của tập thể đó sẽ đáp ứng các mối quan tâm Tu Chính Án Thứ Nhất nếu nó dựa trên lý do chính đáng và được ban hành với một sự “nhạy cảm cao” đối với các mối quan tâm Tu Chính Án Thứ Nhất. Trong khi xác định sự tồn tại của lý do chính đáng, bốn tiêu chí được nhận diện: mức độ nghiêm trọng và khả năng tác hại được nhận thấy; độ chính xác trong đó mệnh lệnh được đưa ra; sự sẵn có của một giải pháp thay thế ít phiền hà; và khoảng thời gian hiệu lực của mệnh lệnh.

Id. tại 1205-06 (trích dẫn nội bộ được bỏ qua). Thêm vào đó, tòa án Kleiner lưu ý rằng các tòa án quận tự do ngăn cấm lời nói mơ hồ hoặc sai lầm của một bị đơn và có thể hạn chế một bị đơn dùng các phương cách truyền đạt lời nói vốn bị khống chế hoặc dễ bị lạm dụng. Id. tại 1204 & 1206. BP nỗ lực để phân biệt ranh giới của các vụ kiện này bởi thực tế là trong nhiều trường hợp có một mối quan hệ kinh doanh giữa các nguyên đơn và bị đơn. Trong trường hợp này, theo chính yêu cầu của Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu, các nguyên đơn phải đệ đơn yêu cầu bồi thường lên BP với tư cách là bên chịu trách nhiệm, do đó đòi hỏi phải có sự liên hệ liên tục giữa các bên.

Bởi vì Tòa Án nhận thấy rằng vai trò lai ghép của Ông Feinberg và Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh đã dẫn đến sự nhầm lẫn và hiểu lầm cho các nguyên đơn, đặc biệt là những người không có luật sư đại diện, Tòa Án nhận thấy nên có sự thận trọng nào đó để bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn-rất ít được chú ý trong Tu Chính Án Thứ Nhất. Công Ty Dầu Vòng Vịnh chống lại Bernard, trang 452 U.S. 89, 101-02 (1981). Ghi chép rõ ràng trong vụ này chứng tỏ rằng bất cứ yêu cầu bồi thường nào qua trung gian và sự độc lập của Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh đang dẫn đến sai lầm cho tập thể nguyên đơn và là mối đe dọa trực tiếp đối với vụ kiện đang diễn ra này, khi mà các nguyên đơn buộc phải ký một giải trừ hoàn toàn chống lại tất cả các bị đơn

tiềm năng trước khi nhận được các khoản thanh toán cuối cùng. So sánh với Trong Kiện Tung Lai Trường Học có Khoáng Chất Amiăng, trang 842 F. 2d ở 683 (kết luận rằng tòa án quận đã rất công bằng khi ép buộc thực hiện một yêu cầu công bố thông tin sau khi thấy rằng sự trao đổi là “sai lệch,” và “có thể thuyết phục tập thể nguyên đơn loại bỏ khoáng chất amiăng trong tòa nhà của họ”). Ví dụ, trong trường hợp này, Ông Feinberg đã được trích dẫn nhiều lần là đã tư vấn một cách công khai cho các nguyên đơn tiềm năng rằng họ không cần thuê luật sư và việc chấp nhận những đề xuất ông ta đưa ra sẽ tốt hơn thưa kiện ra tòa. Việc công bố toàn bộ mối quan hệ giữa Ông Feinberg, Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh và BP ít nhất sẽ làm rõ điều là chính các lợi ích của BP với tư cách là bên chịu trách nhiệm theo Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu đang được đề cao.

Tòa Án nhận thấy rằng không phải tất cả các biện pháp yêu cầu của Nguyên Đơn là thích đáng hay cần thiết, và sẽ thiết kế một biện pháp khắc phục tập trung hơn. Tòa Án nhận thấy rằng các sự thận trọng sau đây là một sự tiếp cận tập trung hơn, và “một mệnh lệnh ít hạn chế hơn như thế nào cũng sẽ không ảnh hưởng đến các mục đích của Quy Tắc 23”. Hampton Hardware, 156 F. R. D. tại 634. Hơn nữa, Tòa Án đặc biệt nhận thấy rằng điều này sẽ không là gánh nặng quá đáng đối với khả năng của BP, Ông Feinberg và Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh trong việc phát biểu ý kiến của chính họ. “Trao đổi có thể tiếp tục [với các nguyên đơn tiềm năng], trong khi lợi ích của các thành viên tập thể nguyên đơn trong việc nhận thông tin độc lập được bảo vệ”. Turner v. Murphy Oil, No. 05-4206 ở 8 (E.D. La. Ngày 14 tháng 11 năm 2005).

Theo đó, **TÒA TUYÊN RẰNG** Đề Nghị Giám Sát các Trao Đổi của Bị Đơn với Tập Thể Nguyên Đơn (Văn bản 912) được **ĐẢM BẢO MỘT PHẦN**, như sau:

TÒA TUYÊN rằng Bị Đơn BP, thông qua đại diện Kein Feinberg, Công Ty Hợp Doanh Feinberg, và Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh, và bất cứ đại diện nào của họ, dưới hình thức trao đổi⁴ bằng miệng hay bằng văn bản với các nguyên đơn, sẽ:

(1) Hạn chế liên hệ trực tiếp với bất cứ nguyên đơn nào mà họ biết hoặc sẽ biết nhờ suy luận là có luật sư đại diện, bất kể là nguyên đơn đó đã nộp đơn kiện tụng hoặc yêu cầu bồi thường bình thường chính thức hay chưa;

(2) Hạn chế nói rằng Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh, Kein Feinberg, hoặc Công Ty Hợp Doanh Feinberg Rozen (hoặc đại diện của họ), là “trung lập” hay “độc lập” hoàn toàn với BP trong việc hoàn thành nghĩa vụ luật định của nó như “bên chịu trách nhiệm” theo Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu ban hành năm 1990.

(3) Bắt đầu bất cứ trao đổi nào với tập thể nguyên đơn với tuyên bố rằng cá nhân có quyền hỏi ý kiến một biện lý do anh ta/hay cô ta lựa chọn trước khi chấp thuận bất cứ việc xử lý hay ký kết giải trừ các quyền pháp lý.

(4) Hạn chế cho hoặc có ý cung cấp tư vấn pháp lý cho những người yêu cầu bồi thường không có đại diện, kể cả những lời khuyên rằng nguyên đơn không nên thuê luật sư.

(5) Công bố toàn bộ cho người yêu cầu bồi thường về các sự lựa chọn của họ theo Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu nếu họ không chấp nhận một khoản thanh toán cuối cùng, kể cả việc nộp một yêu cầu bồi thường trong Vụ Kiện Dân Sự Liên Quận 2179 đang chờ giải quyết.

(6) Thông báo cho những người yêu cầu bồi thường biết rằng các biện lý “miễn phí” và “các đại diện cộng đồng” được bố trí để hỗ trợ những người yêu cầu bồi thường của Cơ Quan Giải Quyết Yêu Cầu Bồi Thường Bờ Vịnh đang nhận được bồi thường trực tiếp hoặc không trực tiếp từ BP.


Hơn nữa, căn cứ trách nhiệm của Tòa Án trong việc đảm bảo tuân thủ hoàn toàn Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu ban hành năm 1990, và để giải quyết các mối quan ngại khác đã được đưa ra,

TÒA TUYÊN BỐ THÊM rằng các bên phải đệ trình bản tóm tắt bổ sung về câu hỏi đặt ra là

⁴ Bao gồm, nhưng không giới hạn trong, các trang mạng, bản thu âm điện thoại, tiếp xúc cá nhân, tài liệu giải trừ, thư từ...

liệu và bằng cách nào BP, với tư cách bên chịu trách nhiệm, tuân thủ hoàn toàn các điều luật của Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu, ví dụ, trong việc xử lý các yêu cầu “bồi thường ngắn-hạn, tạm thời” hay “bồi thường cuối cùng”, phương pháp luận trong việc đánh giá yêu cầu bồi thường, và các mẫu giải trừ yêu cầu đối với người yêu cầu bồi thường. Bản tóm tắt cần được nộp không muộn hơn ngày 11 tháng 2 năm 2011.

New Orleans, Louisiana, ngày 2 tháng 2 năm 2011.



CARL J. BARBIER
United States District Judge

CARL J. BARBIER
Tòa Án Quận Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ
(đã ký)